

và tài sản nhà nước tại doanh nghiệp quốc phòng thành Chi cục Tài chính doanh nghiệp trực thuộc Cục Tài chính (Bộ Quốc phòng) để thực hiện nhiệm vụ theo quy định của Bộ Tài chính đối với các doanh nghiệp quốc phòng.

Nhiệm vụ của Chi cục hoặc Phòng Tài chính doanh nghiệp do Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định sau khi thống nhất với Bộ trưởng, Trưởng ban Ban Tổ chức - Cán bộ Chính phủ.

**Điều 2.** Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức Cục Tài chính doanh nghiệp sau khi thỏa thuận với Bộ trưởng, Trưởng ban Ban Tổ chức - Cán bộ Chính phủ.

**Điều 3.** Bộ trưởng Bộ Tài chính có trách nhiệm phối hợp với Bộ trưởng, Trưởng ban Ban Tổ chức - Cán bộ Chính phủ hướng dẫn và tổ chức thực hiện việc bàn giao nhiệm vụ, biên chế, kinh phí, tài sản của các Cục Quản lý vốn và tài sản nhà nước tại doanh nghiệp cho Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.

**Điều 4.** Nghị định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 10 năm 1999. Bãi bỏ Nghị định số 34/CP ngày 27/5/1995 của Chính phủ về nhiệm vụ, quyền hạn và tổ chức bộ máy của Tổng cục Quản lý vốn và tài sản nhà nước tại doanh nghiệp; điểm B.4 của Điều 3 Nghị định số 178/CP ngày 28/10/1994 của Chính phủ về nhiệm vụ, quyền hạn và tổ chức bộ máy Bộ Tài chính và những quy định tại các văn bản khác trái với Nghị định này.

**Điều 5.** Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này./.

TM. Chính phủ

Thủ tướng

PHAN VĂN KHẢI

**NGHỊ ĐỊNH của Chính phủ số 85/1999/NĐ-CP ngày 28/8/1999 sửa đổi, bổ sung một số điều của bản Quy định về việc giao đất nông nghiệp cho hộ gia đình, cá nhân sử dụng ổn định lâu dài vào mục đích sản xuất nông nghiệp, và bổ sung việc giao đất làm muối cho hộ gia đình và cá nhân sử dụng ổn định lâu dài.**

## CHÍNH PHỦ

*Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 30 tháng 9 năm 1992;*

*Căn cứ Luật Đất đai ngày 14 tháng 7 năm 1993 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đất đai ngày 02 tháng 12 năm 1998;*

*Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Bộ trưởng Bộ Thủy sản, Tổng cục trưởng Tổng cục Địa chính,*

## NGHỊ ĐỊNH:

**Điều 1.** Sửa đổi, bổ sung một số điều của bản Quy định về việc giao đất nông nghiệp cho hộ gia đình, cá nhân sử dụng ổn định lâu dài vào mục đích sản xuất nông nghiệp ban hành kèm theo Nghị định số 64/CP ngày 27/9/1993 của Chính phủ và bổ sung việc giao đất làm muối cho hộ gia đình, cá nhân sử dụng ổn định, lâu dài.

### **1. Điều 1 được sửa đổi, bổ sung như sau:**

**“Điều 1.** Hộ gia đình, cá nhân trực tiếp lao động nông nghiệp, nuôi trồng thủy sản, làm muối mà nguồn sống chủ yếu là thu nhập có được từ hoạt động sản xuất đó, được Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn xác nhận, thì được Nhà nước giao đất trong hạn mức để sử dụng ổn định lâu dài vào mục đích sản xuất nông nghiệp, nuôi trồng thủy sản, làm muối và không thu tiền sử dụng đất.



Hộ gia đình, cá nhân đã được giao đất nông nghiệp theo Nghị định số 64/CP ngày 27 tháng 9 năm 1993 của Chính phủ, được tiếp tục sử dụng ổn định lâu dài và được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Toàn bộ đất nông nghiệp, đất làm muối chưa giao thì giao hết cho hộ gia đình, cá nhân để sử dụng ổn định lâu dài vào mục đích sản xuất nông nghiệp, nuôi trồng thủy sản, làm muối, trừ đất đã giao cho các tổ chức, đất dùng cho nhu cầu công ích của xã.

## **2. Điều 2 được sửa đổi, bổ sung như sau:**

**“Điều 2.** Đất nông nghiệp giao cho hộ gia đình, cá nhân sử dụng vào mục đích sản xuất nông nghiệp bao gồm: đất nông nghiệp trồng cây hàng năm, đất nông nghiệp trồng cây lâu năm, đất nuôi trồng thủy sản. Các loại đất này gồm cả đất làm kinh tế gia đình trước đây, đất vườn, đất xâm canh, đất nương rẫy định canh, đất trống, đồi núi trọc, đất hoang hóa được xác định để sản xuất nông nghiệp, nuôi trồng thủy sản.

Đất làm muối giao cho hộ gia đình, cá nhân sử dụng vào mục đích sản xuất muối bao gồm: đất đồng muối và đất đã được quy hoạch để sản xuất muối.

Đối với những loại đất trên không giao được cho hộ gia đình, cá nhân thì cho tổ chức, hộ gia đình, cá nhân có nhu cầu thuê để sử dụng vào mục đích sản xuất nông nghiệp, nuôi trồng thủy sản, làm muối”.

## **3. Điều 4 được sửa đổi, bổ sung như sau:**

### **“Điều 4.**

1. Thời hạn giao đất nông nghiệp để trồng cây hàng năm, nuôi trồng thủy sản và đất làm muối là 20 năm; để trồng cây lâu năm là 50 năm.

Khi hết thời hạn được giao đất, nếu hộ gia đình, cá nhân có nhu cầu tiếp tục sử dụng và trong quá trình sử dụng chấp hành đúng pháp luật về đất đai thì được Nhà nước giao đất đó để tiếp tục sử dụng.

2. Thời hạn giao đất được tính như sau:

a) Đối với đất đã giao cho hộ gia đình, cá nhân từ ngày 15 tháng 10 năm 1993 trở về trước, được tính thống nhất từ ngày 15 tháng 10 năm 1993;

b) Đối với đất giao cho hộ gia đình, cá nhân sau ngày 15 tháng 10 năm 1993, thì tính từ ngày giao”.

## **4. Điều 5 được sửa đổi, bổ sung như sau:**

**“Điều 5.** Hạn mức đất của mỗi hộ gia đình ở từng địa phương được quy định như sau:

1. Đối với đất nông nghiệp để trồng cây hàng năm, nuôi trồng thủy sản và đất làm muối:

a) Các tỉnh: Cà Mau, Bạc Liêu, Kiên Giang, Sóc Trăng, Cần Thơ, An Giang, Vĩnh Long, Trà Vinh, Đồng Tháp, Tiền Giang, Long An, Bến Tre, Tây Ninh, Bình Dương, Bình Phước, Đồng Nai, Bà Rịa - Vũng Tàu và thành phố Hồ Chí Minh, không quá 3 ha cho mỗi loại đất;

b) Các tỉnh và thành phố trực thuộc Trung ương khác, không quá 2 ha cho mỗi loại đất.

2. Đối với đất nông nghiệp để trồng cây lâu năm:

a) Các xã đồng bằng không quá 10 ha;

b) Các xã trung du, miền núi không quá 30 ha.

3. Đối với đất trống, đồi núi trọc, đất vùng triều, mặt nước eo vịnh đầm phá, đất khai hoang, lấn biển thì hạn mức đất của hộ, cá nhân sử dụng do Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương quyết định, căn cứ vào quỹ đất của địa phương và khả năng sản xuất của họ, đảm bảo thực hiện chính sách khuyến khích, tạo điều kiện thuận lợi để sử dụng các loại đất này vào mục đích sản xuất nông nghiệp, nuôi trồng thủy sản, làm muối.

4. Hộ gia đình sử dụng nhiều loại đất để trồng cây hàng năm, trồng cây lâu năm, nuôi trồng thủy sản, làm muối và đất trống, đồi núi trọc, đất vùng triều, mặt nước eo vịnh đầm phá, đất khai hoang, lấn biển thì hạn mức sử dụng đất được xác định riêng cho từng loại đất theo quy định tại điểm 1, 2 và 3 của khoản này”.



**5. Điều 8 được sửa đổi, bổ sung như sau:****"Điều 8.**

1. Căn cứ vào quỹ đất của địa phương, Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn cho các đối tượng sau đây thuê đất sử dụng vào mục đích sản xuất nông nghiệp, nuôi trồng thủy sản, làm muối:

a) Cán bộ, công chức nhà nước, công nhân, bộ đội, công an về hưu hoặc nghỉ mất sức đang sinh sống tại địa phương;

b) Hộ gia đình, cá nhân là nông dân đang sinh sống ở địa phương đã sử dụng đủ hạn mức đất nông nghiệp, đất làm muối;

c) Hộ gia đình, cá nhân không phải là nông dân đang sinh sống tại địa phương;

d) Trường hợp các đối tượng quy định tại điểm a, b và c của khoản này không có khả năng thuê đất thì có thể cho tổ chức, hộ gia đình, cá nhân ở các địa phương khác thuê để sử dụng vào mục đích sản xuất nông nghiệp, nuôi trồng thủy sản, làm muối.

2. Thời hạn cho thuê đất nông nghiệp để sử dụng vào mục đích sản xuất nông nghiệp, nuôi trồng thủy sản, đất làm muối là 20 năm.

3. Tiền thuê đất thu hàng năm hoặc có thể thu trước một số năm nhưng không được quá 5 năm. Tiền thuê đất thu được phải nộp vào ngân sách và chỉ được sử dụng để đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng kỹ thuật của xã, phường, thị trấn".

**6. Điều 12 được sửa đổi, bổ sung như sau:**

**"Điều 12.** Giao đất và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất:

1. Đối với đất nông nghiệp, đất làm muối:

a) Nếu Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương đã có văn bản quy định và chỉ đạo giao đất cho hộ gia đình, cá nhân sử dụng ổn định lâu dài, phù hợp với những quy định của Nhà nước tại thời điểm đó, thì cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho họ;

b) Nếu chưa giao đất cho hộ gia đình, cá nhân thì Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn lập phương án đề nghị Ủy ban nhân dân huyện, thị xã, thành phố thuộc tỉnh giao và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho họ.

Diện tích đất nông nghiệp, đất làm muối sau khi đã trừ đất dành cho nhu cầu công ích, tính bình quân theo nhân khẩu nông nghiệp, ngư nghiệp, diêm nghiệp của xã, phường, thị trấn để giao cho hộ gia đình, cá nhân do Ủy ban nhân dân huyện, thị xã, thành phố thuộc tỉnh quyết định.

2. Ở những địa phương, trong quá trình thực hiện các chính sách đất đai trước đây, Ủy ban nhân dân các cấp đã hướng dẫn và chỉ đạo nông dân tự thương lượng điều chỉnh đất cho nhau nay đã ổn định, thì Ủy ban nhân dân huyện, thị xã, thành phố thuộc tỉnh căn cứ vào hiện trạng, xét để giao và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho họ.

Đối với những hộ gia đình có diện tích đất vượt hạn mức thì thực hiện theo quy định tại khoản 7 Điều 1 của Nghị định này".

**7. Điều 13 được sửa đổi, bổ sung như sau:**

**"Điều 13.** Đối với đất vượt hạn mức của hộ gia đình, được giải quyết như sau:

1. Hộ gia đình đang sử dụng đất nông nghiệp, đất làm muối vượt hạn mức mà là đất được giao hoặc do khai hoang, vỡ hóa và các trường hợp nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất hợp pháp từ người khác trước ngày 01 tháng 1 năm 1999 (ngày Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đất đai có hiệu lực), thì được tiếp tục sử dụng và phải nộp thuế bổ sung đối với diện tích đất vượt hạn mức theo quy định của pháp luật.

Thời hạn sử dụng phần diện tích đất vượt hạn mức của hộ gia đình bằng một phần hai thời hạn giao đất đối với từng loại đất theo quy định tại khoản 3 Điều 1 của Nghị định này. Sau thời hạn này thì phải chuyển sang thuê đất.



Đối với diện tích đất vượt hạn mức của hộ gia đình có sau ngày 01 tháng 1 năm 1999 thì hộ gia đình, cá nhân phải chuyển sang thuê phần diện tích đất vượt hạn mức đó.

2. Đất vượt hạn mức do chiếm dụng trái phép thì tùy trường hợp cụ thể, Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn đề nghị Ủy ban nhân dân huyện, thị xã, thành phố trực thuộc tỉnh xét để thu hồi hoặc phải chuyển sang cho thuê đất”.

**8. Điều 15 được sửa đổi, bổ sung như sau:**

**“Điều 15.**

1. Đất dành cho nhu cầu công ích của xã, phường, thị trấn do Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn tổ chức quản lý và sử dụng;

2. Việc quản lý và sử dụng đất dành cho nhu cầu công ích của xã, phường, thị trấn được quy định như sau:

a) Để xây dựng hoặc bù lại đất dùng vào xây dựng các công trình công cộng của xã, phường, thị trấn được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cho phép, không sử dụng vào mục đích khác.

b) Trong trường hợp chưa sử dụng vào các mục đích quy định tại điểm a khoản này thì Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn cho hộ gia đình, cá nhân thuê để sử dụng vào sản xuất nông nghiệp, nuôi trồng thủy sản, làm muối. Tiền thu được nộp vào ngân sách và chỉ được dùng vào nhu cầu công ích của xã, phường, thị trấn theo quy định của pháp luật.

3. Thời hạn thuê đất công ích của xã, phường, thị trấn, đối với các trường hợp đã cho thuê trước ngày 01 tháng 1 năm 1999 được thực hiện theo hợp đồng cho thuê đất đã ký kết, các trường hợp cho thuê đất công ích từ sau ngày 01 tháng 1 năm 1999 thì thời hạn thuê đất không quá 5 năm”.

**Điều 2.** Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này.

**Điều 3.** Nghị định này có hiệu lực sau 15 ngày kể từ ngày ký. Những quy định trước đây trái với Nghị định này đều bãi bỏ./

TM. Chính phủ

Thủ tướng

PHAN VĂN KHAI

**NGHỊ ĐỊNH của Chính phủ số 86/1999/  
NĐ-CP ngày 30/8/1999 về quản lý  
dự trữ ngoại hối nhà nước.**

**CHÍNH PHỦ**

*Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 30 tháng 9 năm 1992;*

*Căn cứ Luật Ngân hàng Nhà nước Việt Nam số 01/1997/QH10 ngày 12 tháng 12 năm 1997;*

*Theo đề nghị của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam,*

**NGHỊ ĐỊNH:**

*Chương I*

**QUY ĐỊNH CHUNG**

**Điều 1.** Dự trữ ngoại hối nhà nước là tài sản thuộc sở hữu của Nhà nước được thể hiện trong bảng cân đối tiền tệ của Ngân hàng Nhà nước. Ngân hàng Nhà nước là cơ quan quản lý dự trữ ngoại hối nhà nước nhằm thực hiện chính sách tiền tệ quốc gia, bảo đảm khả năng thanh toán quốc tế, bảo toàn dự trữ ngoại hối nhà nước.

**Điều 2.** Dự trữ ngoại hối nhà nước bao gồm:

1. Ngoại tệ tiền mặt, số dư ngoại tệ trên tài khoản tiền gửi ở nước ngoài;